

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ PHƯỚC LONG**

Số: 929/QĐ-UBND

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Phước Long, ngày 25 tháng 8 năm 2022

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Phê duyệt dự toán và kế hoạch lựa chọn nhà thầu**

**Dự án: Đổi ứng dự án xây dựng Chính quyền điện tử, đô thị thông minh**

### **CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THỊ XÃ**

*Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức chính phủ và luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 26/11/2013;*

*Căn cứ Luật đầu tư công ngày 13/6/2019;*

*Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;*

*Căn cứ Nghị định số 73/2019/NĐ-CP ngày 05/9/2019 của Chính phủ: Quy định quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước;*

*Căn cứ Thông tư số 10/2015/TT-BKHĐT ngày 26/10/2015 của Bộ kế hoạch và đầu tư về việc Quy định chi tiết kế hoạch lựa chọn nhà thầu;*

*Căn cứ Thông tư số 04/2020/TT-BTTTT ngày 24/02/2020 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định về lập và quản lý chi phí dự án đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin;*

*Căn cứ Quyết định số 1688/QĐ-BTTTT ngày 11/10/2019 của Bộ Thông tin và Truyền thông về việc sửa đổi, bổ sung Quyết định số 2378/QĐ-BTTTT ngày 30/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông công bố định mức tạm thời về chi phí quản lý dự án, chi phí tư vấn đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước*

*Căn cứ Công văn số 2589/BTTTT-UDCNTT ngày 24/8/2011 của Bộ Thông tin truyền thông về việc hướng dẫn xác định chi phí phát triển, nâng cấp phần mềm phát triển nâng cấp phần mềm phát triển nội bộ;*

*Căn cứ Nghị quyết số 17/NQ-HĐND ngày 06/7/2021 của HĐND thị xã về việc Thông qua danh mục dự án chuẩn bị đầu tư bổ sung năm 2021 và danh mục dự án chuẩn bị đầu tư năm 2022;*



Căn cứ Nghị quyết số 19/NQ-HĐND ngày 06/7/2021 của HĐND thị xã về việc quyết định chủ trương đầu tư các dự án nhóm C của thị xã, giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Kế hoạch số 254/KH-UBND ngày 23/9/2021 của UBND thị xã về việc Ứng dụng công nghệ thông tin trong xây dựng Chính quyền điện tử, Đô thị thông minh trên địa bàn thị xã Phước Long năm 2021 – 2022;

Căn cứ kết quả thẩm định giá của Công ty cổ phần Thẩm định giá Trung Tín tại chứng thư thẩm định giá số 651/CT - TTA.TĐG ngày 05/8/2022; Báo cáo số 165/BC – STTTT ngày 09/8/2022 của sở Thông tin và Truyền thông về kết quả thẩm định phương án, giải pháp kỹ thuật, công nghệ và thiết kế chi tiết của Báo cáo kinh tế kỹ thuật dự án: Đối ứng xây dựng Chính quyền điện tử, đô thị thông minh và Biên bản xét duyệt chứng thư ngày 09/8/2022;

Căn cứ Báo cáo kinh tế kỹ thuật dự án Đối ứng xây dựng Chính quyền điện tử, đô thị thông minh thị xã Phước Long năm 2022 do Trung tâm Công nghệ thông tin và Truyền thông tỉnh Bình Phước lập;

Xét Báo cáo số 177/BC-TCKH ngày 25/8/2022 và đề nghị của Phòng Tài chính - Kế hoạch tại Tờ trình số 93/TTr-TCKH ngày 25/8/2022.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1:** Phê duyệt dự toán và kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự án: Đối ứng dự án xây dựng Chính quyền điện tử, đô thị thông minh với những nội dung sau:

#### **I. PHẦN DỰ TOÁN**

**1. Tên công trình:** Đối ứng dự án xây dựng Chính quyền điện tử, đô thị thông minh.

#### **2. Sự cần thiết đầu tư:**

Từng bước hoàn thiện cơ sở hạ tầng và phần mềm công nghệ thông tin – truyền thông để xây dựng chính quyền điện tử, đô thị thông minh và chuyển đổi số trên địa bàn Thị xã được triển khai đồng bộ, thống nhất các ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ chuyển đổi số tại Thị xã.

**3. Tổng mức đầu tư:** **3.000.000.000 đồng**

(Bằng chữ: Ba tỷ đồng).

Trong đó:

- |  |                    |
|--|--------------------|
| - Chi phí thiết bị:  | 2.549.649.500 đồng |
| - Chi phí nâng cấp trang thông tin điện tử thị xã và xây dựng các trang thành phần | 235.832.958 đồng   |
| - Chi phí quản lý dự án:   | 55.862.601 đồng    |
| - Chi phí tư vấn:  | 113.022.591 đồng   |



- Chi khác: 28.727.554 đồng
  - Cho phí dự phòng 16.904.796 đồng
- (Chi tiết theo Phụ lục 1 đính kèm).

**4. Nguồn vốn:** Ngân sách nhà nước.

**5. Chủ đầu tư:** Văn phòng Cấp ủy - HĐND&UBND thị xã Phước Long.

**6. Thời gian thực hiện dự án:** Năm 2022-2023.

**7. Hình thức quản lý dự án:** Chủ đầu tư trực tiếp quản lý dự án.

**8. Địa điểm đầu tư:** Các cơ quan: HĐND thị xã, UBND thị xã, Văn phòng Cấp ủy - HĐND & UBND, phòng Tư pháp, Công an, Ban chỉ huy Quân sự, UBND các xã phường, các tổ chức chính trị xã hội thị xã.

**9. Tổ chức tư vấn lập báo cáo kinh tế kỹ thuật:** Trung tâm Công nghệ thông tin và Truyền thông Bình Phước.

**10. Quy mô đầu tư:**

**10.1. Phần thiết bị**

- Mua sắm Thiết bị CNTT cho các cơ quan, đơn vị trên địa bàn thị xã.

(Trang bị máy tính cho Đại biểu HĐND thị xã, các đơn vị phục vụ họp không giấy, thực hiện chuyên môn. Trang bị thiết bị (máy tính) tại các phòng phục vụ hoạt động chung của cơ quan, tổ chức, đơn vị trên địa bàn thị xã (Theo khoản 1, Điều 7, Mục 2 của Quyết định 50/2017/QĐ-TTg)).

- Trang bị cụm loa truyền thanh thông minh tại các điểm tập trung dân cư thực hiện tuyên truyền đường lối, chính sách, chuyển tải thông tin về kinh tế, an ninh, chính trị, xã hội đến người dân.

- Lắp đặt camera tầm xa tại các vị trí trọng điểm quan sát toàn cảnh thị xã, giám sát an ninh trật tự cho thị xã.

**10.2. Phần mềm nâng cấp Trang thông tin điện tử của Thị xã và Xây dựng mới Trang thông tin điện tử của Thị ủy, Hội đồng nhân dân thị xã và UBND các xã, phường trên địa bàn thị xã để đáp ứng các Thông tin, yêu cầu tại Nghị định 42/2022/NĐ-CP ngày 24/06/2022 Chính phủ quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng; đáp ứng bộ tiêu chí quy định tại Quyết định 2652/QĐ-UBND, ngày 13/10/2021 về ban hành quy định Bộ tiêu chí đánh giá, xếp hạng mức độ chuyển đổi số cơ quan nhà nước tỉnh Bình Phước.**

(Chi tiết theo hồ sơ báo cáo kinh tế kỹ thuật đã được thẩm định tại Báo cáo số 165/BC – STTTT ngày 09/8/2022 của sở Thông tin và Truyền thông; Chứng thư thẩm định giá số 651/CT - TTA.TĐG ngày 05/8/2022 của Công ty cổ phần Thẩm định giá Trung Tín).


## II. PHẦN KẾ HOẠCH LỰA CHỌN NHÀ THẦU

(Chi tiết theo Phụ lục 2 đính kèm).

**Điều 2.** Giao Văn phòng Cấp ủy - HĐND&UBND thị xã căn cứ Điều 1 của Quyết định này tổ chức thực hiện theo quy định hiện hành.

**Điều 3.** Các ông (bà) Chánh Văn phòng Cấp ủy - HĐND&UBND thị xã, Trưởng Phòng Tài chính - Kế hoạch, Giám đốc Kho bạc Nhà nước Phước Long và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này kể từ ngày ký./.

**Nơi nhận:**

- CT, các PCT UBND thị xã;
- Như Điều 3;
- VP. Cấp ủy-HĐND&UBND (04 bản);
- LĐVP, CVVP;
- Lưu VT 

**CHỦ TỊCH**



**Phạm Thụy Luân**





### Phụ lục 1 - BẢNG TỔNG HỢP DỰ TOÁN.

(Kèm theo Quyết định số 929/QĐ-UBND ngày 25/8/2022 của UBND thị xã)

Stt	Nội dung chi phí	Ký hiệu	Diễn giải	Giá trị trước thuế	Thuế GTGT	Giá trị sau thuế	Ghi chú
1	<b>Chi phí trang thiết bị</b>	$G_{TBPM}$	$G_{TB}+G_{PM}+G_{ĐT}$	<b>2.554.105.231</b>		<b>2.785.482.458</b>	
1.1	Chi phí mua sắm thiết bị	$G_{TB}$	Theo dự toán	2.318.272.273	231.377.227	2.549.649.500	Dự toán chi tiết
1.2	Nâng cấp trang thông tin điện tử thị xã và xây dựng các trang thành phần	$G_{PM}$	Theo dự toán	235.832.958	0%	235.832.958	Dự toán chi tiết
2	<b>Chi phí quản lý dự án</b>	$G_{QLDA}$	$(G_{TB}*2,644\%)*0,84+(G_{PM}*1,855\%)$	<b>55.862.601</b>		<b>55.862.601</b>	Bảng 1 QĐ 1688/BTTTT
3	<b>Chi phí tư vấn đầu tư</b>	$G_{TV}$	$(Tv1+Tv2+...+Tv8)$	<b>104.650.547</b>		<b>113.022.591</b>	
3.1	Chi phí lập báo cáo kinh tế kỹ thuật	tv1	$(G_{TB}*0,992\%)*1,65 + G_{PM}*3,640\%$	46.529.800	8%	50.252.184	Bảng 2 QĐ 1688/BTTTT
3.2	Chi phí thẩm tra tính hiệu quả và tính khả thi của dự án đầu tư	tv2	$(G_{TB}*0,105\%) + (G_{PM}*0,126\%)$	2.731.335	8%	2.949.843	QĐ 1688/BTTTT
3.3	Chi phí lập hs mời thầu, đánh giá hs dự thầu gói thiết bị	Tv3	$(G_{TB}*0,283\%)$	6.560.711	8%	7.085.567	Bảng 8 QĐ 1688/BTTTT
3.4	Chi phí lập hs mời thầu, đánh giá hs dự thầu gói phần mềm	Tv4	$(G_{PM}*0,405\%)$ Mức tối thiểu 5.000.000 trước thuế	5.000.000	8%	5.400.000	

3.5	Chi phí giám sát thi công lắp đặt, cài đặt thiết bị	Tv5	$(G_{TB} * 0,718\%) + (GPM * 2,063\%)$	21.510.429	8%	23.231.263	Bảng 9 QĐ 1688/BTTTT
3.6	Chi phí thẩm định giá	Tv6	Tạm tính	18.000.000	8%	19.440.000	Hợp đồng thực tế
3.7	Chi phí thẩm định HS mời thầu, Kết quả lựa chọn nhà thầu gói thiết bị	Tv7	$(G_{TB} * 0,1\%)$	2.318.272	8%	2.503.734	Điều 9 NĐ 63/ 2014/NĐ-CP
3.8	Chi phí thẩm định HS mời thầu, Kết quả lựa chọn nhà thầu gói phần mềm	Tv8	$(G_{TB} * 0,1\%)$ Mức tối thiểu 2.000.000 trước thuế	2.000.000	8%	2.160.000	Điều 9 NĐ 63/ 2014/NĐ-CP
<b>4</b>	<b>Chi phí khác</b>	G <sub>K</sub>		<b>27.354.467</b>		<b>28.727.554</b>	
4.1	Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán	k4	$0,57\% * TMĐT * 70\%$	10.190.880		10.190.880	TT 96/2022
4.2	Chi phí kiểm toán	k5	$0,96\% * TMĐT * 70\%$	17.163.587	8%	18.536.674	
<b>5</b>	<b>Chi phí dự phòng</b>			<b>16.904.796</b>		<b>16.904.796</b>	
	<b>TỔNG CỘNG (1+2+3+4+5)</b>			<b>2.758.877.642</b>		<b>3.000.000.000</b>	





## Phụ lục 2 KẾ HOẠCH LỰA CHỌN NHÀ THẦU

(Kèm theo Quyết định số 929/QĐ-UBND ngày 25/8/2022 của UBND thị xã)

TT	Tên gói thầu	Giá gói thầu (đồng)	Nguồn vốn	Hình thức lựa chọn nhà thầu	Phương thức đấu thầu	Thời gian lựa chọn nhà thầu	Hình thức hợp đồng	Thời gian thực hiện hợp đồng
1	Mua sắm thiết bị	2.549.649.500	Ngân sách nhà nước	Đấu thầu rộng rãi theo quy trình qua mạng	Một giai đoạn 1 túi hồ sơ	Quý IV năm 2022	Trộn gói	30 ngày
2	Cung cấp phần mềm: Nâng cấp trang thông tin điện tử thị xã và xây dựng các trang thành phần	235.832.958				Quý IV năm 2022		30 ngày
3	Lập HSMT, đánh giá HSDT(gói thiết bị, Cung cấp phần mềm)	12.485.567		Chỉ định thầu	Một giai đoạn 1 túi hồ sơ	Quý IV năm 2022		30 ngày
4	Giám sát thi công lắp đặt, cài đặt thiết bị	23.231.263		Chỉ định thầu	Rút gọn	Quý IV năm 2022		Theo dự án
5	Kiểm toán	18.536.674		Chỉ định thầu		Quý I năm 2023		30 ngày
6	Thẩm định HS mời thầu, Kết quả lựa chọn nhà thầu gói thiết bị, phần mềm	4.663.734		Chỉ định thầu	Quý IV năm 2022	30 ngày		
<b>Tổng cộng</b>				<b>2.844.399.696</b>				